

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 25/2018/HC-ST

Ngày: 12-7-2018

“V/v khiếu kiện quyết định xử phạt
vi phạm hành chính về thuế”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Quang Tuyên
2. Ông Lê Đình Hoan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 110/2017/TLST-HC ngày 14/12/2017, về việc “Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2018/QĐXXST-HC ngày 01/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/QĐST-HC ngày 19/6/2018, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Công ty trách nhiệm hữu hạn Ô xy Q.

Địa chỉ trụ sở: đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị B - Chức vụ: Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Ô xy Q.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Lưu Hải H; địa chỉ: đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 19/12/2017), có mặt.

2. *Người bị kiện:* Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đ.

Địa chỉ: đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Công T - Chức vụ: Phó Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đ (Văn bản ủy quyền số 3905/CT-TCCB ngày 20/12/2017); địa chỉ: đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi kiện và theo trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện là ông Lưu Hải H có nội dung như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn Ô xy Q (Sau đây viết tắt là Công ty Q) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4002000xxx do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 13/7/2004, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 06/5/2008. Ngành nghề kinh doanh là: Vận tải hàng hóa bằng xe tải liên tỉnh và nội tỉnh; lắp đặt hệ thống dẫn khí Ô xy phục vụ y tế và công nghiệp; Mua bán khí công nghiệp, phụ tùng hàn xì; sản xuất, chiết nạp Ô xy, Acetylen; mua bán sắt, thép và dụng cụ cầm tay, thiết bị hàn. Trong quá trình hoạt động kinh doanh từ năm 2007 đến tháng 9/2011, Công ty Q đã mua bán hàng hóa của các doanh nghiệp, cụ thể như sau:

Từ ngày 19/11/2007 đến ngày 26/02/2008, Công ty Q đã ký hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại sản xuất, xuất nhập khẩu VHT (sau đây viết tắt là Công ty VHT) với tổng số tiền là 1.834.647.500 đồng, trong đó: Tiền thuế giá trị gia tăng (VAT) là 151.547.500 đồng, tiền hàng là 1.683.100.000 đồng. Việc mua bán có hoá đơn chứng từ hợp lệ, Công ty Q đã nhận hàng hóa, thanh toán đầy đủ tiền và thực hiện việc kê khai thuế theo đúng quy định.

Từ ngày 15/05/2009 đến ngày 24/4/2010, Công ty Q đã ký hợp đồng mua bán hàng hoá với Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ giao nhận vận tải TL (sau đây viết tắt là Công ty TL) với tổng số tiền 16.237.934.033 đồng, trong đó: Tiền thuế giá trị gia tăng (VAT) là 1.117.505.183 đồng, tiền hàng 15.120.428.850 đồng. Việc mua bán có hoá đơn chứng từ hợp lệ, Công ty Q đã nhận hàng, thanh toán đầy đủ tiền và thực hiện việc kê khai thuế theo đúng quy định.

Từ ngày 01/7/2010 đến ngày 02/6/2011, Công ty Q đã ký hợp đồng mua bán hàng hoá với Công ty cổ phần thương mại dịch vụ giao nhận TP (sau đây viết tắt là Công ty TP) với tổng số tiền 11.102639.326 đồng, trong đó: Tiền thuế giá trị gia tăng (VAT) là 1.009.330.848 đồng, tiền hàng 10.093.308.478 đồng. Việc mua bán có hoá đơn chứng từ hợp lệ, Công ty Q đã nhận hàng, thanh toán đầy đủ tiền và thực hiện việc kê khai thuế theo đúng quy định.

Từ ngày 01/7/2011 đến ngày 07/9/2011, Công ty Q đã ký hợp đồng mua bán hàng hoá với Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ và xây dựng HT (sau đây viết tắt là Công ty HT) với tổng số tiền 2.375.472.000 đồng, trong đó: Tiền thuế giá trị gia tăng (VAT) là 215.952.000 đồng, tiền hàng 2.159.520.000 đồng. Việc mua bán có hoá đơn chứng từ hợp lệ, Công ty Q đã nhận hàng, thanh toán đầy đủ tiền và thực hiện việc kê khai thuế theo đúng quy định.

Căn cứ theo đề nghị của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đ đã ban hành quyết định thanh tra thuế đối với Công ty Q và lập biên bản xử lý về thuế vào tháng 7/2013, xác định Công ty Q có hành vi sử dụng hóa đơn bất hợp pháp. Ngày 15/01/2015, Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đ ban hành Quyết định số 58/QĐ-CT, về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty Q với số tiền thuế, tiền phạt là 17.259.573.136 đồng, trong đó: Truy thu thuế giá trị gia tăng 2.494.335.501 đồng; truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp 7.262.089.332 đồng; phạt vi phạm hành chính 7.501.148.303 đồng.

Ngày 20/10/2017, đại diện Công ty Q là bà Nguyễn Thị B đến làm việc theo Giấy mời số 389/GM-CCT ngày 16/10/2017 của Chi cục thuế thành phố B, thì được Chi cục thuế cung cấp Quyết định số 1229/QĐ-CT ngày 08/7/2016 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đ, về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty Q, với hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả như sau: Hình thức xử phạt bằng tiền: Phạt 01 lần thuế giá trị gia tăng (tiểu mục 4254), mức phạt 2.342.788.003 đồng; biện pháp khắc phục: Truy thu thuế giá trị gia tăng (tiểu mục 1701): 2.494.335.504 đồng. Lý do xử phạt: Cục thuế cho rằng Công ty Q có hành vi trốn thuế do sử dụng hóa đơn, chứng từ bất hợp pháp để hạch toán trị giá hàng hóa, nguyên liệu đầu vào làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc làm tăng số tiền thuế được miễn, số tiền thuế được giảm hoặc tăng số tiền thuế được khấu trừ, được hoàn. Đồng thời Quyết định số 1229/QĐ-CT ngày 08/7/2016 cũng ghi nhận nội dung Quyết định số 1229/QĐ-CT ngày 08/7/2016 thay thế Quyết định số 58/QĐ-CT ngày 15/01/2015.

Đại diện Công ty Q cho rằng việc Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đ ban hành các quyết định trên là không có căn cứ và trái pháp luật. Bởi vì: Công ty Q mua bán hàng hóa với các công ty nêu trên đều trên cơ sở có hợp đồng theo đúng quy định, có hoá đơn thuế giá trị gia tăng, phiếu chuyển tiền, phiếu giao nhận hàng; Công ty Q không sử dụng hoá đơn bất hợp pháp vì khi mua hàng của các công ty trên đều có đầy đủ hoá đơn, chứng từ và hoá đơn của các công ty này xuất đều là hoá đơn do Bộ tài chính phát hành và được ghi đầy đủ thông tin, phù hợp với giá trị và số lượng hàng hoá mua bán thực tế, tiền hàng được thanh toán qua ngân hàng; Công ty Q là đơn vị mua hàng nên số tiền thuế giá trị gia tăng đã trả cho đơn vị bán hàng ngay tại thời điểm thanh toán tiền hàng và xuất hoá đơn để đơn vị bán kê khai và nộp thuế theo quy định pháp luật; đồng thời Công ty Q đã ngừng mọi hoạt động sản xuất kinh doanh từ thời điểm người đại diện theo pháp luật là ông Phạm Quang U chết (ngày 19/5/2014) đến nay và hiện nay Công ty Q không còn hoạt động.

Công ty Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số 1229/QĐ-CT ngày 08/7/2016 và Quyết định số 58/QĐ-CT ngày 15/01/2015 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đ.

Ý kiến trình bày của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là ông Nguyễn Công T có nội dung như sau:

Về trình tự ban hành các quyết định bị khởi kiện:

Thực hiện Công văn số 1131, 974, 975/CV-PC46(Đ9) ngày 29/03/2013 của Công an thành phố H, về việc chuyển hồ sơ để xử lý thuế theo thẩm quyền. Ngày 26/6/2013, Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đ ban hành Quyết định số 850/QĐ-CT về việc thanh tra thuế tại Công ty Q.

Cục Thuế đã lập Biên bản thanh tra thuế và Biên bản xử lý về thuế đối với hành vi sử dụng hoá đơn bất hợp pháp: Xác định đơn vị sử dụng hoá đơn bất hợp pháp kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào, đơn vị có hạch toán trên sổ kế toán, có hợp đồng mua bán hàng hoá, dịch vụ, có thanh toán tiền (tiền mặt, chuyển khoản) có cam kết của Công ty Q là việc mua bán hàng hoá, dịch vụ trên là có thật và đúng số lượng hàng hoá, nguyên vật liệu mua vào, có thực tế bán ra trong kỳ, có kê khai doanh thu thuế giá trị gia tăng đầu ra theo quy định. Căn cứ Luật Quản lý thuế và

các văn bản hướng dẫn thi hành, Cục thuế xác định đơn vị có hành vi khai sai, Cục thuế xử lý: Về thuế giá trị gia tăng: Loại toàn bộ thuế giá trị gia tăng đầu vào đã kê khai khấu trừ; về thuế thu nhập doanh nghiệp: Loại toàn bộ chi phí mua vào của các hoá đơn bất hợp pháp, đồng thời thực hiện ấn định theo yếu tố, đồng thời phạt 10% trên số thuế khai thiếu và phạt chậm nộp 0,05%/ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp.

Ngày 31/7/2013, Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đ đã ban hành Quyết định xử lý số 1046/QĐ-CT về việc xử lý về thuế, xử phạt vi phạm hành chính thuế qua thanh tra việc chấp hành pháp luật thuế, tổng cộng tiền thuế truy thu, xử phạt là: 3.930.647.760 đồng.

Về kết quả xử lý của Kiểm toán Nhà nước:

Ngày 25/11/2013, Đoàn Kiểm toán Nhà nước khu vực XII theo Quyết định số 895/QĐ-KTNN ngày 06/9/2013 của Tổng Kiểm toán Nhà nước, sau khi kiểm toán tại Cục Thuế đã lập Biên bản kiểm toán, không chấp nhận kết quả xử lý của cơ quan thuế, Kiểm toán xác định hành vi vi phạm và xử lý vi phạm đối với Công ty Q như sau: Xác định hành vi vi phạm: Hành vi trốn thuế, gian lận thuế; xử lý vi phạm: Truy thu toàn bộ số thuế giá trị gia tăng đã khấu trừ; Thuế thu nhập doanh nghiệp: Loại toàn bộ chi phí của hoá đơn bất hợp pháp, không thực hiện ấn định chi phí (đồng nghĩa với việc loại toàn bộ chi phí đầu vào); Xử phạt 01 lần số thuế trốn theo Điều 14 Nghị định 98/2007/NĐ-CP ngày 07/6/2007 của Chính phủ.

Ngày 22/01/2014, Kiểm toán Nhà nước khu vực XII lập Báo cáo kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Đ chỉ đạo các đơn vị (trong đó có Cục thuế tỉnh Đ) thực hiện kiến nghị về xử lý các khoản chênh lệch thu, chi ngân sách Nhà nước, các khoản phải nộp, các khoản xuất toán,... do Kiểm toán Nhà nước xác định.

Ngày 15/01/2015, Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đ ban hành Quyết định số 58/QĐ-CT, về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty Q với số tiền thuế, tiền phạt là: 17.259.573.136 đồng. Trong đó: Truy thu thuế giá trị gia tăng: 2.494.335.501 đồng; truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp: 7.262.089.332 đồng; phạt vi phạm hành chính: 7.501.148.303 đồng. Nhận thấy việc kiến nghị xử lý của Kiểm toán Nhà nước chưa phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, về thực hiện doanh thu phải có chi phí đi kèm, cũng như việc xử lý hành vi vi phạm nên Cục Thuế đã có rất nhiều công văn giải trình, báo cáo đề xuất ý kiến gửi Kiểm toán Nhà nước, Bộ Tài chính, Tổng cục thuế.

Ngày 11/04/2016, Kiểm toán Nhà nước có Công văn 389/KTNN-TH trả lời Công văn 2181/CT-CTTr ngày 04/9/2015, đề nghị Cục Thuế xử lý truy thu toàn bộ số thuế giá trị gia tăng đã khấu trừ; loại bỏ toàn bộ chi phí đầu vào của các hoá đơn bất hợp pháp, thực hiện việc ấn định các yếu tố chi phí và truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp; xử phạt 01 lần số thuế gian lận, trốn thuế theo quy định tại Điều 14, Nghị định số 98/2007/NĐ-CP ngày 07/6/2007 của chính phủ.

Căn cứ vào ý kiến của Kiểm toán Nhà nước, ngày 08/7/2016 Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đ đã ban hành Quyết định số 1229/QĐ-CT, về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty Q với số tiền thuế, tiền phạt là: 4.837.123.507 đồng. Trong

đó: truy thu thuế giá trị gia tăng: 2.494.335.504 đồng; phạt 01 lần thuế giá trị gia tăng: 2.342.788.003 đồng.

Quan điểm của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đ là việc ban hành các Quyết định số 58/QĐ-CT ngày 15/01/2015 và Quyết định số 1229/QĐ-CT ngày 08/7/2016, là hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk trình bày ý kiến xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Về giải quyết vụ án: Trong thời gian từ năm 2007 đến tháng 09/2011, Công ty Q có hoạt động mua bán hàng hóa với các doanh nghiệp là Công ty VHT, Công ty TL, Công ty TP và Công ty HT. Việc mua bán hàng hóa của Công ty Q có hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo đúng quy định, nên việc mua bán hàng hóa là có trên thực tế. Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đ chỉ căn cứ vào ý kiến của Kiểm toán Nhà nước để lập Biên bản vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty Q, trong khi không xác định rõ các hóa đơn, chứng từ mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có ghi không hàng hóa hay không và không chứng minh được hành vi vi phạm pháp luật về thuế, là không có căn cứ. Do đó yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, tuyên hủy Quyết định số 1229/QĐ-CT ngày 08/7/2016 và Quyết định số 58/QĐ-CT ngày 15/01/2015 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự và của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 08/7/2016, Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đ ban hành Quyết định số 1229/QĐ-CT, về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty Q, với hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả như sau: Hình thức xử phạt bằng tiền: Phạt 01 lần thuế giá trị gia tăng (tiểu mục 4254), mức phạt 2.342.788.003 đồng; biện pháp khắc phục: Truy thu thuế giá trị gia tăng (tiểu mục 1701): 2.494.335.504 đồng; đồng thời quyết định này ghi nhận đã thay thế Quyết định số 58/QĐ-CT ngày 15/01/2015 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đ. Ngày 20/10/2017, đại diện Công ty Q là bà Nguyễn Thị B đến Chi cục thuế thành phố Buôn Ma Thuột làm việc theo Giấy mời số 389/GM-CCT ngày 16/10/2017, thì được cung cấp Quyết định số 1229/QĐ-CT ngày 08/7/2016 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đ. Không đồng ý với quyết định trên, ngày 06/12/2017, đại diện Công ty Q có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số 1229/QĐ-CT ngày 08/7/2016 và Quyết định số 58/QĐ-CT ngày 15/01/2015 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đ. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 32 của Luật tố tụng hành chính.

Đối với người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 158 của Luật tố tụng

hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện, là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Đối với yêu cầu khởi kiện và ý kiến trình bày của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình hoạt động kinh doanh từ năm 2007 đến tháng 9/2011, Công ty Q đã mua bán hàng hóa của các doanh nghiệp, bao gồm: Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại sản xuất, xuất nhập khẩu VHT, Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ giao nhận vận tải TL, Công ty cổ phần thương mại dịch vụ giao nhận TP và Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ và xây dựng HT, với tổng số tiền hàng là 29.056.357.328 đồng, tiền thuế giá trị gia tăng là 2.494.335.531 đồng. Khi mua hàng hóa của các doanh nghiệp trên, thì đều có hóa đơn, chứng từ theo đúng quy định, phương thức thanh toán qua ngân hàng bằng hình thức hình thức chuyển khoản và trực tiếp thanh toán tại các công ty (thể hiện qua phiếu thu, phiếu chi). Như vậy, có đủ cơ sở xác định việc mua bán hàng hóa của Công ty Q là có trên thực tế.

Sau khi nhận được các công văn của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H, ngày 26/6/2013 Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đ đã ban hành quyết định về thanh tra thuế tại Công ty Q, tiến hành lập các biên bản làm việc, biên bản xác minh cơ sở kinh doanh tại địa chỉ kinh doanh đăng ký với cơ quan thuế và biên bản xử lý về thuế lập vào tháng 7/2013. Theo kiến nghị xử lý của Kiểm toán Nhà nước, Cục thuế đã lập Biên bản vi phạm hành chính về thuế ngày 07/01/2015 và xác định Công ty Q đã có hành vi vi phạm về thuế: *“Sử dụng hóa đơn chứng từ bất hợp pháp để hạch toán giá trị hàng hóa, nguyên liệu đầu vào làm giảm số tiền thuế phải nộp dẫn đến trốn thuế, gian lận thuế”*. Ngày 15/01/2015 Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đ ban hành Quyết định số 58/QĐ-CT, về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty Q.

Căn cứ theo Công văn số 389/KTNN-TH ngày 11/4/2016 của Kiểm toán Nhà nước, ngày 10/6/2016 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, cán bộ Cục thuế đã lập Biên bản vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty Q. Ngày 08/7/2016, Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đ đã ban hành Quyết định số 1229/QĐ-CT, về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty Q, hình thức xử phạt bằng tiền: Phạt 01 lần thuế giá trị gia tăng (tiểu mục 4254), mức phạt 2.342.788.003 đồng; biện pháp khắc phục: Truy thu thuế giá trị gia tăng (tiểu mục 1701): 2.494.335.504 đồng. Như vậy, Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đ chỉ căn cứ vào ý kiến của Kiểm toán Nhà nước để lập Biên bản vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty Q, trong khi không xác định rõ các hóa đơn, chứng từ mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có ghi không hàng hóa hay không và không chứng minh được hành vi vi phạm pháp luật về thuế, là không có căn cứ, vi phạm Điều 103, khoản 2 Điều 104 Luật quản lý thuế. Mặt khác, Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đ ban hành Quyết định số 1229/QĐ-CT ngày 08/7/2016 trên cơ sở biên bản vi phạm hành chính về thuế, tại mẫu biên bản vi phạm hành chính về thuế ban hành kèm theo Thông tư số 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 của Bộ Tài chính quy định chi tiết về xử lý vi phạm hành chính về thuế, thì phải ghi cụ thể giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm xảy ra vi phạm, nhưng tại Biên bản vi phạm hành chính về thuế lập ngày 10/6/2016 lại không thể hiện; biên bản

cũng không nêu rõ được nguyên nhân dẫn đến hóa đơn bất hợp pháp, nguồn gốc hóa đơn và hàng hóa trên hóa đơn có từ đâu; đồng thời Quyết định số 1229/QĐ-CT ngày 08/7/2016 được ban hành căn cứ vào Quyết định số 58/QĐ-CT ngày 15/01/2015, về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế, nhưng tại Điều 3 của Quyết định số 1229/QĐ-CT ngày 08/7/2016 lại ghi: “Quyết định này thay thế Quyết định số 58/QĐ-CT ngày 15/01/2015...”, là có sự mâu thuẫn. Tại Công văn số 974/CV-PC46 (Đ9), ngày 28/3/2013 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, về việc chuyển hồ sơ để xử lý thuế theo thẩm quyền, thì cũng đã xác định quá trình điều tra chưa đủ cơ sở xử lý theo pháp luật hình sự đối với các đơn vị, cá nhân sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng bất hợp pháp, trong đó có Công ty Q, nhưng Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đ lại căn cứ vào kết luận này để làm cơ sở kết luận Công ty Q sử dụng hóa đơn bất hợp pháp là không có căn cứ, vì Kết luận của của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H cũng không thể hiện các bị can trong vụ án mua bán hóa đơn không cho Công ty Q. Đồng thời, sau khi nhận được văn bản của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, Cục thuế tỉnh Đ tiến hành làm việc và lập biên bản kiểm tra đối với Công ty Q vào tháng 7/2013, đã xác định thời điểm Công ty Q có hành vi sử dụng hóa đơn bất hợp pháp đến khi cơ quan Công an phát hiện, kết luận đã quá thời hạn 05 năm. Như vậy là đã quá thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013, quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế và quy định tại Điều 26 Thông tư số 166/2013/ TT-BTC ngày 15/11/2013, quy định chi tiết về xử phạt vi phạm hành chính về thuế.

Như vậy, việc Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đ ban hành Quyết định số 1229/QĐ-CT ngày 08/7/2016, về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty Q, với hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả như sau: Hình thức xử phạt bằng tiền: Phạt 01 lần thuế giá trị gia tăng (tiểu mục 4254), mức phạt 2.342.788.003 đồng; biện pháp khắc phục: Truy thu thuế giá trị gia tăng (tiểu mục 1701): 2.494.335.504 đồng, là không có căn cứ và không đúng với quy định của pháp luật. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Q, hủy Quyết định số 1229/QĐ-CT ngày 08/7/2016 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đ. Đồng thời, tại Điều 3 của Quyết định số 1229/QĐ-CT ngày 08/7/2016 đã ghi nội dung “Quyết định này thay thế Quyết định số 58/QĐ-CT ngày 15/01/2015 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đ”. Xét thấy: Quyết định số 58/QĐ-CT ngày 15/01/2015, là quyết định hành chính có liên quan của Quyết định số 1229/QĐ-CT ngày 08/7/2016, nên cũng cần tuyên hủy Quyết định số 58/QĐ-CT ngày 15/01/2015, là phù hợp.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên người bị kiện là Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đ phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Công ty Q không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, Điều 164, điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ: Điều 103, Điều 104 và Điều 108 của Luật quản lý thuế ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế ngày 20/11/2012; căn cứ Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ, quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế và Thông tư số 166/2013/ TT-BTC ngày 15/11/2013, quy định chi tiết về xử phạt vi phạm hành chính về thuế;

Áp dụng: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Ô xy Q.

Tuyên hủy Quyết định số 1229/QĐ-CT, ngày 08/7/2016 và Quyết định số 58/QĐ-CT, ngày 15/01/2015 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đ, về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn Ô xy Q.

[2] Về án phí:

Cục trưởng Cục thuế tỉnh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Ô xy Q không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0002291 ngày 13/12/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đ.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục thi hành án tỉnh Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Bình